ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH HÀ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1706/QĐ-UBND	*Thạch Hà, ngày 04 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách Quý I năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện khóa XX - Kỳ họp thứ 4 về phân bổ dự toán thu, chi ngân sách và bố trí vốn đầu tư phát triển năm 2022;

Xét đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách Quý I năm 2022 (*Có phụ lục chi tiết kèm theo).*

Điều 2. Giao phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện công khai theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị, cơ quan cấp huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Khoa

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH HÀ

Biểu số 01

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2022

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện quý I năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2022	Cùng kỳ năm trước
A	**TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN**	**1.108.108**	**697.389**	**63%**	**121%**
I	**Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp**	**481.750**	**301.980**	**63%**	**167%**
II	**Thu bổ sung ngân sách cấp trên**	**626.358**	**273.779**	**44%**	**100%**
III	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**	**-**	**121.630**		**100%**
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**608.068**	**330.921**	**54%**	**101%**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách huyện**	**608.068**	**204.832**	**34%**	**78%**
1	Chi đầu tư phát triển	191.000	89.356	47%	73%
2	Chi thường xuyên	403.802	115.476	29%	81%
3	Dự phòng ngân sách	13.266		0%	
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh**		**126.089**		**203%**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH HÀ

Biểu 02

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện quý I năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2022	Cùng kỳ năm trước
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**418.900**	**519.657**	**124%**	**2945%**
1	**Thu nội địa**	**418.900**	**519.657**	**124%**	**2945%**
1	Thu Quốc doanh	400	0	0%	0%
2	Thu Ngoài quốc doanh	32.000	6.502	20%	53%
3	Thuế thu nhập cá nhân	11.000	10.438	95%	352%
4	Lệ phí trước bạ	48.000	17.827	37%	130%
5	Thu phí, lệ phí	2.500	1.239	50%	83%
6	Thuế phi nông nghiệp	700	71	10%	592%
7	Cấp quyền khai thác khoáng sản	500	1	0%	0%
8	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	17.000	5.238	31%	1005%
9	Tiền sử dụng đất	300.000	476.756	159%	315%
10	Thu tại xã	1.100	13	1%	325%
11	Thu khác ngân sách	5.700	1.572	28%	91%
II	**Thu viện trợ**				
B	**THU NS HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**481.750**	**301.980**	**63%**	**230%**
1	Từ các khoản thu phân chia	476.450	300.473	63%	168%
2	Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%	5.300	1.507	28%	73%

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH HÀ

Biểu 03

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện quý I năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2022	Cùng kỳ năm trước
TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN		**608.068**	**232.296**	**38%**	**71%**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**608.068**	**204.832**	**34%**	**78%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**191.000**	**89.356**	**47%**	**73%**
1	Chi đầu tư cho các dự án	191.000	89.356	47%	73%
2	Chi đầu tư phát triển khác	-	-		
II	**Chi thường xuyên**	**403.802**	**115.476**	**29%**	**81%**
1	Chi An ninh - Quốc phòng	12.784	2.117	17%	66%
2	Sự nghiệp GD-ĐT và dạy nghề	33.853	72.545	214%	101%
3	Sự nghiệp y tế	40.269	5.484	14%	98%
4	Sự nghiệp VHTT, TTTH	6.775	839	12%	95%
5	Sự nghiệp thể dục thể thao	170	54	32%	900%
6	Chi đảm bảo xã hội	55.292	15.479	28%	102%
7	Sự nghiệp kinh tế	99.878	1.700	2%	26%
8	Chi sự nghiệp môi trường (bao gồm xử lý rác)	3.620	100	3%	80%
9	Chi quản lý hành chính Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	139.410	15.479	11%	42%
10	Chi khác ngân sách	11.751	1.679	14%	85%
III	**Dự phòng**	**13.266**			
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG TỪ NS CẤP TRÊN**		**27.464**		**44%**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN